TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 21-8-2018
V/v tranh chấp tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Bà Ngô Thị Bích Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16/7/2018 về việc "tranh chấp tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án sơ thẩm số: 53/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2018/QĐ-PT ngày 23/7/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị V, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số 10, đường số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2018). Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn G, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phan Thúc Đ, sinh năm 1988; thường trú: Số 26/11, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2017). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Phan Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, người đại hợp pháp của nguyên đơn chị Phùng Thị V là anh Trần Quang T trình

bày: Chị Phùng Thị V và anh Phan Văn G trước đây là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Quá trình chung sống, chị V và anh G tạo lập được một số tài sản là 02 xe tải, 03 máy xúc đất và một số quyền sử dụng đất trong đó có phần đất có diện tích 100m^2, thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương và hai phần đất tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 9/2017, chị V và anh G ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Tuy nhiên, trước khi vợ chồng ly hôn, anh chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản, vào ngày 23/8/2017 cả hai lập "Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà" với nội dung anh G bán cho chị V phần đất với diện tích 100m^2, thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Do cả hai không am hiểu pháp luật nên khi lập hợp đồng chỉ viết tay mặc dù có sự chứng kiến của chính quyền địa phương nhưng lại không công chứng và cũng không ghi số tiền chuyển nhượng. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 100m^2, thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tại phiên tòa phía nguyên đơn đồng ý giao cho bị đơn số tiền 800.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2017 của nguyên đơn anh Phan Văn G và lời khai trong quá trình tố tụng của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Phan Thúc Đ trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quá trình hình thành tài sản chung và thời điểm chị V, anh G ly hôn. Trước khi vợ chồng anh chị ly hôn có thống nhất lập "Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà" với nội dung anh G bán cho chị V phần đất với diện tích 100m^2, thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, việc lập hợp đồng này là do lúc vợ chồng nóng giận và chịu áp lực của gia đình chị V nên anh G đã đồng ý thỏa thuận để cho chị V được quyền sở hữu phần đất mà hai bên đang tranh chấp. Nay chị V khởi kiện yêu cầu chia tài sản trên, anh G đồng ý. Tuy nhiên, hiện tại anh G là người đang nuôi hai con và mong muốn được nhận tài sản bằng hiện vật để tạo điều kiện tốt nhất cho các con của anh chị về chỗ ở. Nếu được nhận giá trị tài sản bằng hiện vật, anh G đồng ý đưa cho chị V số tiền 950.000.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số: 53/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị V với bị đơn anh Phan Văn G. Chị Phùng Thị V được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 100 m^2 thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Chị Phùng Thị V có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Phan Văn G một phần giá trị tài sản chung là 800.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/5/2018, anh Phan Thúc Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung

kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia cho anh G tài sản chung bằng quyền sử dụng đất, anh G sẽ hoàn lại một nửa giá trị đất cho chị V. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Có căn cứ xác định phần đất diện tích 100m^2 thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị V, anh G. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chia cho chị V được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 100 m^2 và chị V hoàn lại cho anh G 800.000.000 đồng là có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của các bên, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phùng Thị V và anh Phan Văn G là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 228/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 21/9/2017 của TAND huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Theo quyết định này thì: Chị V và anh G thuận tình ly hôn. Anh G nuôi hai con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn thì chị V và anh G đều sinh sống và có hộ khẩu tại tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tài sản chung: Chị V và anh G đều xác định: Quá trình sống chung chị V và anh G cùng tạo lập tài sản chung: Xe tải, xe cuốc và đất tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chị V và anh G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản này. Đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 100m^2 thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương (hiện trạng là đất trống) theo định giá tài sản có giá trị là: 1.300.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 23/7/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất với kết quả định giá tài sản ngày 22/02/2018, không yêu cầu định giá lại tài sản. Chị V khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản, yêu cầu được chia bằng quyền sử dụng đất và hoàn lại cho anh G một nửa giá trị tài sản. Về phần anh G cũng thống nhất chia đôi tài sản nhưng yêu cầu được chia bằng quyền sử dụng đất và sẽ hoàn lại cho chị V một nửa giá trị tài sản.

[3] Xét thấy: Hiện tại chị V và anh G đều có nơi ở và cuộc sống ổn định tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trước đây, vào ngày 23/8/2017, anh G và chị V đã tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung là quyền sử dụng đất 100m^2 tại phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương cho chị V quản lý, sử dụng thông qua hình thức là hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng này thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên cam kết thực hiện hợp đồng và được thôn, UBND xã B xác nhận. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 08/11/2017 (bút

lục 22) anh G cũng có yêu cầu được chia cho anh bằng tiền là một nửa giá trị đất diện tích 100m^2 tại phườngB, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Sự thừa nhận này cũng phù hợp với ý chí của các bên thỏa thuận chia tài sản tại hợp đồng ngày 23/8/2017 và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, quyền sử dụng đất diện tích 100m^2 cũng không thể chia hai bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 100m^2 là 1.300.000.000 đồng, mỗi bên được chia có giá trị là 650.000.000 đồng. Phía chị V tự nguyện hỗ trợ thêm cho anh G 150.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử chia diện tích 100m^2 đất cho chị V được quyền quản lý sử dụng và chị V hoàn lại giá trị đất cho anh G 800.000.000 đồng (nhiều hơn một nửa giá trị đất 150.000.000 đồng) là có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh, đảm bảo được quyền lợi của các bên, có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp các Điều: 33, 38, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều: 213, 219 Bộ luật Dân sự. Yêu cầu kháng cáo của anh G là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Chị V và anh G phải chịu theo quy định của pháp luật. Về án phí phúc thẩm: Anh G phải chịu do giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 147, 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 33, 38, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều: 213, 219 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ các Điều: 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Văn G. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 53/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị V đối với anh Phan Văn G về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Chị Phùng Thị V được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 100 m^2 (đất ở tại đô thị) thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 10BA, tọa lạc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo). Chị Phùng Thị V có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Phan Văn G 800.000.000 đồng (trong đó một nửa giá trị tài sản chung quyền sử dụng đất là 650.000.000 đồng và 150.000.000 đồng chị V tự nguyện thanh toán thêm cho anh G). Kiến nghị UBND thị xã C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho anh Phan Văn G ngày 19/8/2014 số vào sổ cấp GCN: CH03257. Chị Phùng Thị V có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Chị Phùng Thị V chịu 24.000.000 đồng, được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010246 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chị V còn phải nộp số tiền 21.500.000 đồng. Anh Phan Văn G phải chịu 36.000.000 đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Chị Phùng Thị V phải chịu 2.418.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chị V đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: Anh Phan Văn G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0019431, ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2018)./.

Các Thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Văn Huỳnh	**Ngô Thị Bích Diệp**	**Nguyễn Thành Trung**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS tx. C;
- UBND tx. C;
- TAND tx. C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung